

Số: 607/QĐ-CPNT2

Đại Phước, ngày 6 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá
Gói thầu: Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được sửa đổi lần thứ XIV, ban hành theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông số 26/QĐ-CPNT2 ngày 02/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-CPNT2 ngày 18/06/2024 của HĐQT về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu của Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-CPNT2 ngày 04/06/2025 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt chi tiết kế hoạch SXKD năm 2025 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-CPNT2 ngày 16/07/2025 của HĐQT Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 về việc phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 601/QĐ-CPNT2 ngày 02/10/2025 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025;

Xét đề nghị của các phòng chức năng tại Tờ trình số 751/TTr-CPNT2 ngày 03/10/2025 về việc Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá cho gói thầu Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá gói thầu Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025 với nội dung chi tiết như Bản yêu cầu báo giá đính kèm theo quyết định này.
- Điều 2.** Giao Phó Giám đốc phụ trách, các Phòng TCHC, phòng TM-TTĐ triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành.



Điều 3. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng TCHC, phòng TM-TTĐ của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.TM-TTĐ, P.TCKT;
- Lưu VT, P.TCHC.

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Nhân



BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025.

Phát hành ngày: 06/10/2025

Ban hành kèm theo Quyết định: 607/QĐ - CPNT2.

Bên mời thầu

✓ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí
Nhơn Trạch 2



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hà



Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá (nộp bản chào giá) gói thầu: Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025. Phạm vi công việc, yêu cầu đối với gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

4. Nguồn vốn: Chi phí SXKD năm 2025 của Công ty.

5. Loại hợp đồng: Trọn gói.

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo quy định. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào giá cạnh tranh phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào giá theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp và đáp ứng thời gian theo yêu cầu tại điểm b, Mục I, Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG;

Giá dự thầu ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào giá khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

Thời hạn hiệu lực của bản báo giá đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 8 của YCBG.

2. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
3. Hạch toán tài chính độc lập;
4. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
Nhà thầu có bản báo giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.
Nhà thầu có bản báo giá không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ thì bị loại.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá bản báo

giá của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Năng lực tài chính	Nhà thầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế của năm 2024	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Cam kết theo đơn
2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã thực hiện tối thiểu 01 hợp đồng có tính chất tương tự như là hợp đồng thi công xây lắp/ sửa chữa, cải tạo các công trình xây dựng (Nhà thầu phải nộp hợp đồng, hóa đơn GTGT và biên bản thanh lý hợp đồng, công chứng/chứng thực) theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong vòng 3 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu) có giá trị tối thiểu ≥ 0,25 tỷ đồng.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Nhà thầu phải nộp hợp đồng và biên bản thanh lý nộp bản sao y công chứng/chứng thực)

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp

về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I. Về phạm vi công việc			
1	Thời gian và địa điểm thực hiện hợp đồng.	Theo đúng yêu cầu tại Mục 1, Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG	Không đúng yêu cầu tại Mục 1, Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG
2	Phạm vi công việc của gói thầu	Theo đúng yêu cầu tại Mục 2 Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG	Không đúng yêu cầu tại Mục 2 Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG
II. Yêu cầu về kỹ thuật		Theo đúng yêu cầu tại Mục 4, Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG	Không đúng yêu cầu tại Mục 4, Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG
III. Yêu cầu khác:			
1	Cam kết chuẩn bị thiết bị đầy đủ để thực hiện công việc	Có cam kết	Không có cam kết
2	Cam kết nhân sự được mua Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện hợp đồng	Có cam kết	Không có cam kết

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì bị loại.

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá ((nếu có)3);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: BBG có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

- Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành

tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các BBG khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 6. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 nhận được trước thời điểm hết hạn nộp bản báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 7. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 02 Chương III.
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực tài chính và kinh nghiệm của nhà thầu:
 - Nhà thầu đã thực hiện tối thiểu 01 hợp đồng có tính chất tương tự như là hợp đồng thi công xây lắp/ sửa chữa, cải tạo các công trình xây dựng (*Nhà thầu phải nộp hợp đồng, hóa đơn GTGT và biên bản thanh lý hợp đồng, công chứng/chứng thực*) theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong vòng 3 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu) có giá trị tối thiểu $\geq 0,25$ tỷ đồng.

Mục 8. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của bản chào giá là **30 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. bản chào giá nào có hiệu lực thời gian ngắn hơn quy định, sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

Mục 9. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: tại văn phòng Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 không được muộn sau **14h ngày 09/10/2025**. Các Bản báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét:

- Địa chỉ: Trung tâm Điện lực Dầu khí, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: (84-251) 2225899 - Fax: (84-251) 2225 897

2. Bên mời thầu Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà

thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 10. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 11. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện hoặc fax, email và được đăng tải trên trang thông tin điện tử (<http://pvpnt2.vn>) của Công ty theo quy định.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 03 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu cung cấp dịch vụ.

Mục 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

1. Nhà thầu phải đặt cọc bằng hình thức chuyển khoản (Tên: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, số tài khoản: 006 704 07 000 1112, ngân hàng: TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng Hòa) hoặc nộp bằng thư bảo lãnh của một ngân hàng được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận, Biểu mẫu với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng hoặc Nhà thầu nộp bằng tiền mặt cho bên mời thầu tương ứng bằng 3% giá trị hợp đồng theo như thống nhất tại biên bản thương thảo hợp đồng.

2. Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho Chủ đầu tư không muộn hơn 07 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và được gửi đến các nhà thầu tham dự.

3. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A.

5. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành toàn bộ công việc được giao, được Bên A ký biên bản quyết toán

và thanh lý hợp đồng.

Mục 13. Bảo hành

Nhà thầu phải đảm bảo trách nhiệm bảo hành bằng bảo lãnh bảo hành, giá trị bảo lãnh bảo hành là 5% giá trị hợp đồng. Hình thức là Chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Chủ đầu tư quy định tại BYCBBG.

Trong thời gian bảo hành, Bên mời thầu cần thông báo cho Nhà thầu về những hư hỏng liên quan tới công trình do lỗi của Nhà thầu gây ra. Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của Nhà thầu trong khoảng thời gian được Bên mời thầu quy định.

Trong trường hợp Nhà thầu không khắc phục sai sót trong thời gian được Bên mời thầu quy định, Bên mời thầu có thể tổ chức khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và đưa vào sử dụng.

Mục 14. Giải quyết kiến nghị

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Luật đấu thầu hiện hành.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: tại văn phòng Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Địa chỉ: Trung tâm Điện lực Dầu khí, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: (84-251) 2225899 - Fax: (84-251) 2225 897);

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: tại văn phòng Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Địa chỉ: Trung tâm Điện lực Dầu khí, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: (84-251) 2225899 - Fax: (84-251) 2225 897).

Chương II. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Giới thiệu về gói thầu

a. Phạm vi công việc của gói thầu: Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025.

b. Thời hạn thực hiện hợp đồng: Không quá 30 ngày kể từ ngày bên A (bên mời thầu Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2) ký hợp đồng và lập biên bản bàn giao mặt bằng cho bên B (Nhà thầu).

c. Địa điểm thực hiện hợp đồng:

- Địa điểm xây dựng: Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (Địa chỉ: Trung tâm Điện lực Dầu khí, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: (84-251) 2225899 - Fax: (84-251) 2225 897).

Mục 2. Phạm vi công việc:

STT	Phạm vi công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Tháo dỡ thảm lót sàn phòng chờ tầng trệt, phòng họp tầng 1, 2 và hội trường tầng 3	m2	372,38
2	Tháo dỡ ghế ngồi hội trường tầng 3	bộ	156
3	Đục bỏ lớp nền sàn phòng chờ tầng trệt, phòng họp	m2	372,38

	tầng 1, 2 và hội trường tầng 3 (chiều dày 5cm bằng máy đục bê tông)		
4	Lát nền sàn phòng chờ tầng trệt, phòng họp tầng 1, 2 và hội trường tầng 3 (vữa XM M100, PCB40)	m2	372,38
5	Lát nền sàn phòng chờ tầng trệt, phòng họp tầng 1, 2 và hội trường tầng 3 (vữa XM M75, PCB40, gạch Đồng Tâm/tương đương kích thước 60cm*60cm)	m2	372,38
6	Lắp đặt ghế ngồi hội trường tầng 3	bộ	156
7	Bóc xếp thủ công cát, đá gạch, xi măng phục vụ thi công phòng chờ tầng trệt, phòng họp tầng 1, 2 và hội trường tầng 3	m3	18,62
8	Bóc xếp, vận chuyển, tập kết thủ công phế thải tập trung	m3	18,62
9	Vận chuyển phế thải đi đổ bỏ trong phạm vi quy định của Công ty (bằng ô tô 2,5t)	m3	18,62

Mục 3. Các bản vẽ thi công

Hồ sơ hoàn công các hạng mục công trình liên quan và tài liệu liên quan (nếu nhà thầu cần cung cấp) Chủ đầu tư sẽ cung cấp sau khi nhà thầu đề nghị tiến hành khảo sát để chuẩn bị hồ sơ chào giá cạnh tranh và phục vụ cho công tác chuẩn thi công các công việc theo phạm vi công việc tại Chương II, Mục 2 (trong trường hợp đơn vị chào giá cạnh tranh là đơn vị được chủ đầu tư lựa chọn để ký kết hợp đồng)

Mục 4. Yêu cầu về kỹ thuật

Nhà thầu phải cam kết có đầy đủ nhân sự và thiết bị để thực hiện gói thầu đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu. Bên cạnh đó nhà thầu phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật thể hiện trên bản vẽ phương án sửa chữa. Ngoài ra, nhà thầu còn phải thực hiện các công việc cần thiết trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng bao gồm tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, thử nghiệm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, huy động thiết bị, kiểm tra, giám sát chất lượng và các yêu cầu khác (nếu có). Yêu cầu về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

4.1 Yêu cầu biện pháp sửa chữa tổng thể (yêu cầu nhà thầu chào và lập biện pháp thi công chi tiết gói thầu)

* Biện pháp Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025:

- + Trước khi thi công, đơn vị thi công cần kết hợp với chủ đầu tư tiến hành khảo sát đo đạc, kiểm tra và xác định các tim mốc, cốt cao độ ranh giới công trình theo hồ sơ bản vẽ hoàn công và thực trạng các hạng mục trong Nhà máy điện NT2;
- + Nhà thầu lập biện pháp thi công chi tiết đối với các hạng mục công việc tại Chương II, Mục 2 trong khu vực nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đảm bảo công tác thi công các công việc đạt kỹ thuật, an toàn PCCC, vệ sinh môi trường chất lượng và tuân thủ các quy định nội quy của nhà máy và tại nhà công vụ;
- + Trong phạm vi công trình và phạm vi giới hạn khu vực sửa chữa, nếu có các chướng ngại (các thiết bị văn phòng) ảnh hưởng đến an toàn hoặc gây khó khăn cho quá trình thi công,

cần có các biện pháp giải quyết phù hợp như di chuyển, tháo bỏ ... khi được sự cho phép của Chủ đầu tư;

- + Sau tất cả các công tác thi công đã hoàn thành như trên nhà thầu tiến hành dọn dẹp mặt bằng, máy móc thiết bị, vật liệu dư thừa khỏi Nhà máy, phối hợp với bên A tiến hành công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng, kỹ thuật, tiến độ và công tác an toàn trong quá trình thi công phục vụ cho công tác nghiệm thu hoàn thành và bàn giao.

4.2 Yêu cầu vật liệu chính đưa vào sửa chữa

a./ Xi măng

- Yêu cầu về Xi măng dùng cho bê tông và bê tông cốt thép là xi măng portland PCB40 trở lên và phải đạt các yêu cầu được quy định trong tiêu chuẩn TCVN 2682:2009 và TCVN 6260:2009.

b./ Cốt liệu cho bê tông và vữa

- Yêu cầu về Tất cả các cốt liệu sử dụng cho bê tông và vữa phải tuân theo TCVN 7570-2006 Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa – yêu cầu kỹ thuật. Phương pháp thử xác định các chỉ tiêu của cốt liệu thực hiện theo TCVN 7572 1-20:2006 Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa – Phương pháp thử.

d./ Cát vàng

- Yêu cầu về cát vàng bê tông đáp ứng TCVN 7570 – 2006 về các yêu cầu về tính chất cơ lý bao gồm: Cát thô khi môđun độ lớn trong khoảng từ lớn hơn 2,0 đến 3,3; Cát mịn khi môđun độ lớn trong khoảng từ 0,7 đến 2,0 được sử dụng chế tạo bê tông cấp từ B15 đến B25; Cát dùng chế tạo vữa không được lẫn quá 5 % khối lượng các hạt có kích thước lớn hơn 5 mm; Hàm lượng các tạp chất không quá 1,5-3%.

e./ Gạch gốm ốp lát:

- Yêu cầu về gạch gốm ốp lát đáp ứng TCVN 13113:2020 về kích thước, chất lượng bề mặt, đặc tính vật lý (độ hút nước, độ bền uốn, độ bền nén, độ bền hóa học, độ chống mài mòn) và yêu cầu ghi nhãn.

f./ Phụ gia:

- Yêu cầu về các phụ gia sử dụng phải có chứng chỉ kỹ thuật được các cơ quan quản lý Nhà nước công nhận. Việc sử dụng phụ gia phải tuân thủ theo đúng chỉ dẫn kỹ thuật của nhà sản xuất, không được dùng phụ gia đông cứng nhanh là CaCl_2 hoặc các loại tương tự có tác hại ăn mòn cốt thép. Liều lượng dùng và phương pháp pha trộn phụ gia phải theo hướng dẫn sử dụng, đảm bảo độ chính xác và tính đồng đều trong hỗn hợp bê tông.

(Các vật liệu đầu vào trên có thể thay đổi bằng các loại vật liệu của nhà sản xuất khác nhưng phải đảm bảo chất lượng có tính năng và công dụng tương đương)

4.3 Yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trong thi công sửa chữa các hạng mục xây dựng tại Nhà máy

🚧 An toàn lao động

- Nhà thầu tổ chức học tập phổ biến cho cán bộ công nhân viên các quy định về công tác đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ, các biện pháp đảm bảo an toàn lao động. Bộ phận phụ trách an toàn thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở người lao động thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn lao động trong quá trình thi công.
- Trong quá trình thi công sẽ dựng các rào chắn bảo vệ tạm thời, căng dây rào chắn, đặt biển cảnh báo khi có người làm việc trên cao.
- Khi thực hiện thi công có máy móc thì công nhân không làm việc trong phạm vi hoạt động của máy.
- Công nhân được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động: Giày, mũ, quần áo phao, găng tay, khẩu trang, ủng cao su... và được học tập các lớp an toàn lao động trước khi thi công.

- Cán bộ an toàn của nhà thầu thường xuyên kiểm tra để phát hiện kịp thời các mối nguy rủi ro mất an toàn, từ đó đưa ra biện pháp xử lý nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động.
- Các thiết bị chỉ được phép đưa vào sử dụng thi công đều được kiểm tra và cấp phép của bộ phận kiểm tra an toàn của Công ty.
- Việc sử dụng thiết bị tuân thủ theo đúng quy trình hướng dẫn an toàn của Nhà máy.
- Giới hạn phạm vi hoạt động và các khu vực làm việc của công nhân, của tổ sản xuất, phải có biển báo. Cấm những người không có nhiệm vụ vào khu vực đang được giới hạn để đảm bảo an toàn (trạm biến thế, cầu dao điện...) Kho bãi, nhà xưởng phải bố trí hợp lý, phải đảm bảo kỹ thuật, an toàn, phòng chống cháy nổ, tuân thủ các bảng chỉ dẫn, bảng báo hiệu trên các khu vực trong Nhà máy.
- Trong suốt quá trình thi công an toàn lao động phải được đặt lên hàng đầu, phải thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác an toàn lao động theo thông tư 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 và Thông tư 03/2019/TT-BXD ngày 30 tháng 7 năm 2019 quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình.

🔧 Vệ sinh môi trường trong thi công

Trong quá trình thi công, các biện pháp sau đây sẽ được sử dụng để giảm thiểu các tác động của môi trường:

- Thực hiện kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công;
- Bố trí nhân sự phụ trách về môi trường, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch trong quá trình thi công;
- Xây dựng và thực hiện nội quy, quy định về bảo vệ môi trường trong thi công;
- Tổ chức lập, trình chủ dự án chấp thuận các giải pháp kỹ thuật, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công;
- Dừng thi công xây dựng công trình khi phát hiện nguy cơ xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường nghiêm trọng và có biện pháp khắc phục để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi tiếp tục thi công;
- Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Vệ sinh mặt bằng tổng thể.

🔧 Phòng chống cháy, nổ trong thi công

- Trong quá trình thi công có khả năng cháy nổ do sử dụng các loại thiết bị điện, xăng dầu. Do đó công tác phòng chống cháy nổ là rất quan trọng trong quá trình thi công cần luyện tập thường xuyên để phòng các sự cố, bao gồm:
 - + Huấn luyện đội ngũ công tác PCCC.
 - + Trang bị đầy đủ thiết bị chữa cháy cho các kho, nhà làm việc trên toàn tuyến.
 - + Tổ chức hệ thống báo động chữa cháy đồng bộ.
- Ngoài ra đơn vị thi công còn phải có sự kết hợp chặt chẽ với các đơn vị PCCC trong khu vực để kiểm tra, trang bị và đề ra kế hoạch hành động chung khi có sự cố xảy ra.
- Nhà thầu phải đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trên công trường và tuân thủ tuyệt đối nội quy, quy định an toàn của Nhà máy.

Về xử lý, vận chuyển phế thải

- Do công trình thi công trong khu vực làm việc, do vậy phế thải sẽ được vận chuyển thủ công tới đường giao thông sau đó vận chuyển bằng phương tiện phù hợp tới khu vực tập kết phế thải của Nhà máy.

4.4 Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục

- Trước khi thực hiện thi công, nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư chi tiết về danh sách, số lượng nhân lực, thiết bị, vật tư của Nhà thầu sử dụng trên công trường phù hợp với tiến độ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt, để làm thủ tục đăng ký ra vào Nhà máy (gồm cả thời gian, nhân lực làm ngoài giờ làm việc hành chính, nếu cần thiết).
- Nhà thầu cần nghiên cứu kỹ BYCBG, đặc biệt đối với hồ sơ Bản vẽ hoàn công, bản vẽ phương án sửa chữa được duyệt và khảo sát hiện trường để xem xét địa hình nơi thực hiện gói thầu và khu vực xung quanh, xác định mặt bằng thi công, làm lán trại và các điều kiện khác để có thông tin cần thiết giúp cho việc chuẩn bị bản chào giá chính xác và phù hợp với thực tế, hạn chế những sai sót cho nhà thầu, phát hiện và đề xuất những biện pháp thi công đạt tiến độ, chất lượng cao.
- Trong trường hợp khi nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hiện trường thấy có những vấn đề chưa rõ trong BYCBG, những sai khác giữa hồ sơ Bản vẽ thi công với BYCBG hoặc thực tế hiện trường, ..., nhà thầu cần trao đổi ngay bằng văn bản, fax với bên mời thầu để bên mời thầu nghiên cứu giải đáp kịp thời bằng văn bản, fax cho tất cả nhà thầu được biết.
- Nội dung yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và chi tiết các hạng mục:
- + Sơ đồ tổ chức quản lý công trường trong đó thể hiện trình tự kế hoạch rõ ràng, hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế thi công, nêu mối quan hệ với cơ quan có liên quan như: chủ đầu tư, tư vấn, giám sát, ...
- + Sơ đồ tổ chức mặt bằng và biện pháp thi công hợp lý: mặt bằng thi công, giải pháp khắc phục khó khăn hiện trường, ...
- + Biện pháp bảo đảm giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ. Trong biện pháp an toàn lao động phải nêu rõ biện pháp bảo đảm an toàn công trình, an toàn thiết bị, an toàn cho người,...
- + Biện pháp quản lý chất lượng của nhà thầu. Các chỉ tiêu chất lượng công trình chủ yếu nhà thầu sẽ thực hiện.
- + Biểu tiến độ thi công cho từng hạng mục và toàn công trình kèm theo biểu đồ phân bổ nhân lực và máy móc, thiết bị thi công tương ứng. Biểu đồ thi công có thể lập theo sơ đồ ngang, trên đó ghi rõ số lượng, công suất các loại máy, thiết bị chủ yếu, số ca máy làm việc, số lượng lao động của đơn vị. Các nội dung phải phù hợp với thời gian thi công.
- Bên mời thầu mong muốn nhận được đơn dự thầu kèm theo bản chào giá với những nội dung phong phú, những đề xuất biện pháp thi công công trình đạt chất lượng cao, biện pháp bảo vệ môi trường, tiến độ thi công nhanh trên cơ sở luận cứ khoa học và phù hợp thực tế.

4.5 Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu

- Giám sát thi công xây dựng công trình thực hiện đúng thiết kế được phê duyệt và Hợp đồng thi công đã ký kết.
- Giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.
- Tạm dừng thi công trong trường hợp phát hiện công trình có nguy cơ mất an toàn hoặc thi công sai thiết kế.

- Trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư và Giám sát các ảnh chụp thể hiện tiến độ công việc. Các ảnh này được chụp lúc khởi công, đang thi công, thời điểm hoàn thành mỗi phần quan trọng của công việc trong một giai đoạn ít nhất là một tháng hoặc một khoảng thời gian và địa điểm nào khác được chỉ định.
- Nhà thầu đính kèm một bản thuyết minh văn bản nội dung và ngày tháng cùng với mỗi ảnh chụp. Cũng có thể sẽ cần phải rửa thêm ảnh nếu được yêu cầu. Phim chụp (hoặc dữ liệu gốc của những tấm ảnh này) sẽ thuộc sở hữu của Chủ đầu tư và Giám sát và không một ảnh rửa nào từ những phim này được phép cung cấp cho người khác nếu không được sự chấp thuận của Chủ đầu tư và Giám sát.
- Khi hoàn thành công trình, Nhà thầu sẽ sắp xếp tất cả các phim này theo trình tự thời gian, đánh dấu để có thể phân biệt và nộp cho Chủ đầu tư và Giám sát. Nhà thầu cũng sẽ phải nộp cho Chủ đầu tư và Giám sát mỗi bên 01 bộ ảnh đã được biên soạn và sắp xếp theo đúng trình tự tiến hành công việc cho đến khi hoàn thành.

4.6 Yêu cầu quy trình/quy phạm áp dụng cho thi công, nghiệm thu công trình

Tuân thủ các qui định về trách nhiệm, quyền hạn của chủ đầu tư, giám sát của chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền và tổ chức thi công xây lắp đã được ghi rõ trong các qui định về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản và quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Cơ sở để đánh giá chất lượng công tác thi công xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn chủ yếu sau:

- Các tiêu chuẩn về quản lý chất lượng;
- Các tiêu chuẩn về thi công, nghiệm thu;
- Các tiêu chuẩn về an toàn.

Các tiêu chuẩn trên nằm trong hệ thống tiêu chuẩn xây dựng hiện hành của nhà nước tại thời điểm thi công và các quy định, quy chuẩn hiện hành:

STT	Tên vật liệu	Tiêu chuẩn áp dụng	Ghi chú
1	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình- Yêu cầu chung	TCVN XD 9398:2012	
2	TCVN 6260:2009 - Xi măng portland hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6260:2009	
3	TCVN 7570:2006 về cốt liệu cho bê tông và vữa - yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006	
4	TCVN 7937:2013 Thép làm cốt bê tông	TCVN 7937:2013	
5	Công tác hoàn thiện trong xây dựng – thi công và nghiệm thu	TCVN 9377:2012	

Và các tiêu chuẩn khác có liên quan đang được sử dụng, các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

Ghi chú: Các nội dung của phạm vi công việc và yêu cầu kỹ thuật nêu trên là bao gồm nhưng không hạn chế trách nhiệm của Nhà thầu sửa chữa, nhằm đảm bảo công tác an toàn, chất lượng, tiến độ thi công và công tác an toàn vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong Công ty.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]
Tên gói thầu: “Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025”

Kính gửi: **Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2**

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu “Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025” theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cùng với biểu giá kèm theo.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế của năm 2024.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Bên mời thầu đưa ra danh sách các hạng mục công việc của gói thầu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” cùng với đơn vị đo lường và khối lượng mời thầu tương ứng, phù hợp với hồ sơ bản vẽ hoàn công và phạm vi công việc sửa chữa đính kèm bản yêu cầu báo giá này. Mỗi hạng mục sẽ được mô tả chi tiết theo bảng sau để nhà thầu điền giá chào cho từng hạng mục.

1	2	3	4	5	6	7
STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Cử chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá	Thành tiền (Cột 5x6)
1	Tháo dỡ thảm lót sàn phòng chờ tầng trệt, phòng họp tầng 1, 2 và hội trường tầng 3		m2	372,38		
2	Tháo dỡ ghế ngồi hội trường tầng 3		bộ	156		
3	Đục bỏ lớp nền sàn phòng chờ tầng trệt, phòng họp tầng 1, 2 và hội trường tầng 3 (chiều dày 5cm bằng máy đục bê tông)		m2	372,38		
4	Láng nền sàn phòng chờ tầng trệt, phòng họp tầng 1, 2 và hội trường tầng 3 (vữa XM M100, PCB40)		m2	372,38		
5	Lát nền sàn phòng chờ tầng trệt, phòng họp tầng 1, 2 và hội trường tầng 3 (vữa XM M75, PCB40, gạch Đồng Tâm/tương đương kích thước 60cm*60cm)		m2	372,38		
6	Lắp đặt ghế ngồi hội trường tầng 3		bộ	156		
7	Bốc xếp thủ công cát, đá gạch, xi măng phục vụ thi công phòng chờ tầng trệt, phòng họp tầng 1, 2 và hội trường tầng 3		m3	18,62		
8	Bốc xếp, vận chuyển, tập kết thủ công phế thải tập trung		m3	18,62		
9	Vận chuyển phế thải đi đổ bỏ trong phạm vi quy định của Công ty (bằng ô tô 2,5t)		m3	18,62		
Giá chào đã bao gồm thuế VAT, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang đơn chào hàng, trang số)						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Cột (2) (3) (4) (5) do bên mời thầu ghi cho phù hợp với gói thầu. Cột (6) và (7) do nhà thầu chào.

GIẤY ỦY QUYỀN (Nếu có)

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu “Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025” thuộc dự án _ [Ghi tên dự án] do _ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự nhà thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

BẢN KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

Tóm tắt kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian từ hiện tại trở về trước. Nêu rõ các kinh nghiệm chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cụ thể liên quan đến gói thầu.

Stt	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]	...	...	...

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ

Nhà thầu chỉ được kê khai những thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu đối với các thiết bị chính như đã nêu trong danh sách theo yêu cầu tại BYCBG mà có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những thiết bị đã huy động cho gói thầu khác có thời gian huy động trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

Thiết bị thi công phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê nhưng nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu của gói thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng thuê thiết bị và tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê. Nhà thầu phải kê khai theo mẫu dưới đây đối với mỗi loại thiết bị:

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất	Năm sản xuất
	Tính năng	Xuất xứ
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại (Biên bản kiểm kê tài sản/tài liệu tương đương chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của nhà thầu)	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị ☐ Sở hữu của nhà thầu ☐ Đi thuê ☐ Cho thuê ☐ Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thỏa thuận	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho gói thầu	

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG (nếu có)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu “Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025” và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); ⁽²⁾

Theo quy định trong BYCBG (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

THỎA THUẬN LIÊN DANH (Nếu có)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Gói thầu: “Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025” Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

Căn cứ⁽²⁾ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

Căn cứ⁽²⁾ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu “Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025” ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSMT]; Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu “Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025” thuộc dự án _____ ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu “Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025” thuộc dự án _____ [ghi tên dự án] đối với từng thành viên

như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ BBG hoặc văn bản đề nghị rút BBG, sửa đổi, thay thế BBG;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu “Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025” thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG
Số: / NT2.TCHC-NHATHAU/2025/DV
Về việc: Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ nhu cầu của Bên A và khả năng đáp ứng yêu cầu của Bên B.

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, tại văn phòng Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Địa chỉ: Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 061.2225899/893
Fax: 061.2225897
Tài khoản số: 006 704 07 000 1112 mở tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - CN Cộng Hòa
Mã số thuế: 3600897316
Đại diện: Ông/Bà
Chức vụ: Phó giám đốc
(Theo Giấy ủy quyền ký Hợp đồng số .../UQ-CPNT2 ngày ... tháng ... năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2)

BÊN B:

Địa chỉ:
Điện thoại:
Tài khoản:
Mã số thuế:
Đại diện:
Chức vụ:

Sau khi bàn bạc, hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung và điều khoản như sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ:

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Hợp đồng” là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo (nếu có).
2. “Giá Hợp đồng” là tổng số tiền Bên A đã thỏa thuận với Bên B theo hợp đồng.
3. “Ngày” là ngày dương lịch, trừ ngày thứ 7, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

4. “Thời gian bảo hành” là thời gian Bên B chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót các hạng mục xây dựng do lỗi của Bên B.

Điều 2. Đối tượng hợp đồng:

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025 trong Nhà máy theo đúng nội dung hồ sơ Phạm vi công việc và yêu cầu kỹ thuật (Đính kèm).

Điều 3. Thành phần Hợp đồng:

Thành phần hợp đồng như sau:

1. Văn bản hợp đồng.
2. Biên bản thương thảo, dự thảo hợp đồng.
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
4. Phạm vi công việc và yêu cầu kỹ thuật.
5. Bảng giá trị hợp đồng.
6. Bảng thống kê vật liệu, thiết bị, nhân lực chủ yếu.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Tạm dừng thi công và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Bên B vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;
- Kiểm tra chất lượng thực hiện công việc của Bên B nhưng không được làm cản trở hoạt động bình thường của Bên B;
- Bàn giao mặt bằng cho Bên B quản lý đúng tiến độ;
- Thanh toán cho Bên B theo đúng tiến độ thanh toán trong hợp đồng;
- Tổ chức giám sát trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Kiểm tra biện pháp bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ của Bên B;
- Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng đúng thời hạn theo quy định;
- Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thi công của Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Bảng chi phí của mình Bên B phải trang bị bảo hộ lao động và mua bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường trước khi người lao động thực hiện công việc thi công trên công trường, và cho tất cả nhân sự tham gia thực hiện công việc của mình mà bên A yêu cầu theo quy định;
- Được quyền đề xuất với Bên A về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối thực hiện các công việc ngoài phạm vi của hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A;
- Cung cấp nhân lực, vật liệu, thiết bị thi công và các điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng và chủng loại để thực hiện các công việc theo nội dung hợp đồng đã ký kết;
- Tiếp nhận và quản lý mặt bằng thi công, bảo quản các hạng mục công trình hiện hữu;
- Thi công Sửa chữa văn phòng Công ty đợt 1 năm 2025 trong Nhà máy theo đúng yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật, đảm bảo chất lượng, an toàn, tiến độ, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;
- Quản lý người lao động của đơn vị thi công, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, không ảnh hưởng đến quá trình vận hành của Nhà máy;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình do mình đảm nhận. Sửa chữa sai sót trong công trình đối với những công việc do mình thi công;
- Hoàn trả mặt bằng và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hình thức hợp đồng, giá hợp đồng, phương thức và điều kiện thanh toán:

1. Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

2. Giá hợp đồng:

Giá trị hợp đồng đã bao gồm 8% VAT là: đồng

Bằng chữ:

3. Phương thức và đồng tiền thanh toán:

- Phương thức thanh toán: bằng chuyển khoản.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

4. Điều kiện và số lần thanh toán:

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:

- Nhà thầu trúng thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng;
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu phải đặt cọc bằng hình thức chuyển khoản (Tên: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, số tài khoản: 006 704 07 000 1112, ngân hàng: TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng Hòa) hoặc nộp bằng thư bảo lãnh của một ngân hàng được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận, Biểu mẫu với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng hoặc Nhà thầu nộp bằng tiền mặt cho bên mời thầu tương ứng bằng 3% giá trị hợp đồng theo như thống nhất tại biên bản thương thảo hợp đồng.
- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
- Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: sau 30 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành toàn bộ công việc được giao, được Bên A ký biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng.

Thanh toán 01 lần:

Thanh toán 01 lần bằng 100% giá trị hợp đồng trong vòng 07 ngày sau khi Bên B hoàn thành công trình, được nghiệm thu hoàn thành tất cả công việc theo hợp đồng, bàn giao công trình đưa vào sử dụng và Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán gồm:

- + 01 bộ gốc, 01 bộ sao hoàn công công trình (bao gồm bản vẽ hoàn công công trình, nhật ký thi công; biên bản nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng; Các biên bản nghiệm thu trong quá trình thi công; Biên bản kiểm tra chất lượng, vật tư, thiết bị và các văn bản có liên quan khác trong quá trình thi công (nếu có).
- + Bản gốc giấy đề nghị thanh toán;
- + Biên bản bàn giao mặt bằng và mốc định vị mặt bằng thi công;
- + Bộ gốc biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;
- + Bộ gốc biên bản xác nhận giá trị hoàn thành;

- + Bộ gốc biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và đưa vào sử dụng;
- + Bộ gốc biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng;
- + Hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài Chính có giá trị bằng 100% giá trị hợp đồng;
- + Bảo lãnh bảo hành của một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng hoặc chuyển tiền vào tài khoản của bên A quy định tại BYCBG;

Điều 7. Thời gian thực hiện:

Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ ngày bên A và bên B ký biên bản bàn giao mặt bằng.

Điều 8. An toàn thi công:

- Bên B phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường theo đúng biện pháp thi công đã được Bên A chấp thuận và tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Bên B có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động trong thi công xây dựng.
- Bên B có biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.

Điều 9. Bảo hành:

- Bên B phải đảm bảo trách nhiệm bảo hành bằng bảo lãnh bảo hành, giá trị bảo lãnh bảo hành là 5% giá trị hợp đồng, hiệu lực của bảo lãnh bảo hành là 12 tháng kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và đưa vào sử dụng. Hình thức là Chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Chủ đầu tư quy định tại BYCBG.
- Trong thời gian bảo hành, Bên A cần thông báo cho Bên B về những hư hỏng liên quan tới công trình do lỗi của Bên B gây ra. Bên B có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của Bên B trong khoảng thời gian được Bên A quy định.
- Trong trường hợp Bên B không khắc phục sai sót trong thời gian được Bên A quy định, Bên A có thể tổ chức khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Bên B sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.
- Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và đưa vào sử dụng.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp:

- Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.
- Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian 07 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng có thể yêu cầu đưa vụ việc tranh chấp ra giải quyết trước Toà án. Phán quyết cuối cùng của Toà án là cơ sở để hai bên tiếp tục thực hiện. Mọi chi phí cho các hoạt động xác minh và án phí do Bên có lỗi phải chịu.

Điều 11. Phạt vi phạm hợp đồng

- Bên B bị phạt theo mức phạt là 0,1% tổng giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc so với ngày hoàn thành theo hợp đồng hoặc ngày hoàn thành hợp

đồng được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá 8% tổng giá trị hợp đồng. Bên A có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán của Bên B.

- Trường hợp Bên A nhận thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng, Bên A sẽ phải bồi thường cho Bên B tiền phạt chậm thanh toán được tính trên cơ sở tiền chậm lại với lãi xuất được tính bằng 100% lãi xuất do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm tương ứng theo số ngày chậm thực tế.
- Các yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng: Nếu Bên B sai sót, không đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu của hợp đồng, Bên B có trách nhiệm bằng chi phí của mình sửa chữa, khắc phục những sai sót, cũng như chịu trách nhiệm về tiến độ chậm trễ do các sai sót gây ra.

Điều 12. Hiệu lực hợp đồng:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
- Mọi sửa đổi, bổ sung, gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng hoặc chấm dứt Hợp đồng được hai bên thỏa thuận thống nhất bằng văn bản;
- Hợp đồng được lập thành ba (03) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ ba (02) bản và Bên B giữ một (01) bản.



ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

